

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 43/2024/HS-ST
Ngày 23 tháng 7 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lương Ngọc Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Tuấn và ông Nguyễn Văn Giữ

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Nguyên Huân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên toà:
Bà Trương Bảo Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 35/2024/TLST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 40/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2024, đối với bị cáo:

Danh Tiến G, sinh ngày 22 tháng 02 năm 2003, tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: ấp Mỹ L, xã M, huyện Châu P, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo phật; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn: Không; con ông Danh Q và bà Dương Thị Tuyết N; Chưa có vợ; Anh, em ruột có 04 người, bị cáo là người thứ hai; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/3/2024 cho đến nay (có mặt).

Bị hại:

- Ông Huỳnh Trung H, sinh năm 1996, nơi cư trú: Khóm Vĩnh T, thị trấn V, huyện Châu P, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

- Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 2001, nơi cư trú: ấp Mỹ T, xã M, huyện Châu P, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Nguyễn Hiền E, sinh năm 1986, nơi cư trú: ấp Mỹ T, xã M, huyện Châu P, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

- Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1965, nơi cư trú: ấp Mỹ T, xã M, huyện Châu P, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

- Bà Nguyễn Trương Kim H, sinh năm 1995, nơi cư trú: Số 37/4A, tổ 6, ấp 7, xã Xuân T, huyện Hóc M, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 2001, nơi cư trú: ấp Mỹ T, xã M, huyện Châu P, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

- Bà Trịnh Thị N, sinh năm 1956, nơi cư trú: ấp Mỹ T, xã M, huyện Châu P, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

- Bà Phạm Thị Ái L, sinh năm 2003, nơi cư trú: ấp Mỹ T, xã M, huyện Châu P, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài nên bị cáo Danh Tiến G nảy sinh ý định mượn xe mô tô của người khác mang đi bán lấy tiền tiêu xài, nhiều lần. Cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng 10 giờ ngày 09/02/2024, bị cáo G điều khiển xe mô tô biển số 54Y7-4445 đến tiệm Internet “Bo” do ông Huỳnh Trung H làm chủ thuộc khóm Vĩnh Thuận, thị trấn Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú để chơi game. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, bị cáo G thấy xe mô tô biển số 67D1-432.77 của ông H dựng trong nhà nên bị cáo G nảy sinh ý định chiếm đoạt xe, bị cáo G gặp ông H giả vờ hỏi “*Xe này có bán không, cho em mượn chạy thử, nếu được em sẽ mua*”, tưởng thật ông H đưa xe và chìa khóa cho bị cáo G, rồi bị cáo G lấy xe điều khiển chạy đi và lẩn trốn nhiều nơi, bỏ lại xe mô tô của bị cáo G tại nhà ông H. Đến ngày 11/02/2024, để tránh bị phát hiện bị cáo G mang xe mô tô của ông H đến nhà bà Phạm Thị Ái L thuộc ấp Mỹ Trung, xã Mỹ Phú, huyện Châu Phú nói dối xe của bị cáo G mua, nên bà L đồng ý cho bị cáo G gửi. Riêng ông H không thấy bị cáo G trả lại xe nên đi tìm thì phát hiện xe của ông H đang đậu trong nhà của bà L, nên lấy xe lại và đến Công an xã Mỹ Phú trình báo, đồng thời giao nộp xe mô tô biển số 54Y7-4445 và xe mô tô biển số 67D1-432.77.

Lần thứ hai: Khoảng 17 giờ ngày 17/02/2024, bị cáo G nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô biển số 67D1-094.97 của ông Nguyễn Hữu L thuộc ấp Mỹ Thuận, xã Mỹ Phú, huyện Châu Phú, nên bị cáo G đến nhà của ông L thấy xe mô tô đang dựng trong nhà, bị cáo G hỏi “*Xe này có bán không*” ông L trả lời “*Không bán*”, nên bị cáo G giả vờ nói chuyện và hỏi mượn xe của ông L chạy thử rồi trả lại, tin thật ông L đưa xe mô tô và chìa khóa cho bị cáo G, rồi bị cáo G điều khiển xe chạy đi và lẩn trốn. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày không thấy bị cáo G trả xe, nghi ngờ bị cáo G chiếm đoạt xe nên ông L cùng vợ là bà Nguyễn

Thị Mỹ T đi tìm, khi đến khu vực bên đò Hòa Lạc thuộc ấp Khánh Châu, xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú thì phát hiện bị cáo G đang điều khiển xe của ông L, biết bị phát hiện bị cáo G tăng ga điều khiển xe bỏ chạy về hướng Châu Đốc, ông L rượt đuổi theo đến khu vực chợ Châu Long thuộc phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc thì bắt được bị cáo G cùng tang vật giao cho Công an phường Vĩnh Mỹ và đến Công an xã Mỹ Phú, huyện Châu Phú trình báo sự việc.

Ngày 25/3/2024, bị cáo G bị khởi tố, điều tra.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 06/KL.HĐĐGTS ngày 23/02/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Châu Phú, ghi nhận:

- 01 xe mô tô biển số 67D1-094.97 đã qua sử dụng, nhãn hiệu YAMAHA, số loại EXCITER, số máy 55P1055608, số khung 5P10BY055600 trị giá 18.000.000 đồng.

- 01 xe mô tô biển số 67D1-432.77 nhãn hiệu YAMAHA, số loại EXCITER, số máy G3D4E11710, số khung 0610FY104993 trị giá 15.000.000 đồng.

Tổng giá trị: 33.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 35/CT-VKSCP ngày 12 tháng 6 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang đã truy tố bị cáo Danh Tiến G về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại cơ quan điều tra và phiên tòa sơ thẩm bị cáo Danh Tiến G khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra khai nhận phù hợp với nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Danh Tiến G từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

- Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt tiền cho bị cáo do hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

- Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Giao trả cho bị cáo G 01 xe mô tô biển số 54Y7-4445, số máy: OHY7C 011824, số khung: 2FMHA 017124; Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 54Y7-4445 số 005351 do Công an huyện Hóc Môn cấp ngày 25/8/2007, tên chủ sở hữu: Đỗ Văn C do không liên quan phạm tội. Đối với 01 xe mô tô và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 67D1-094.97; 01 xe mô tô và 01 giấy chứng nhận đăng

ký xe mô tô biển số 67D1-432.77 đã trao trả cho ông Nguyễn Hữu L, ông Huỳnh Trung H nên không xem xét giải quyết.

- Trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

- Tại phiên tòa bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng vắng mặt, mặc dù Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ. Xét thấy, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại gì đến việc xét xử của vụ án. Căn cứ Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Danh Tiến G đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, bản kết luận định giá tài sản cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận: Bị cáo Danh Tiến G đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối để lừa đảo chiếm đoạt xe mô tô biển số 67D1-432.77 trị giá 15.000.000 đồng của ông Huỳnh Trung H và xe mô tô biển số 67D1-094.97 trị giá 18.000.000 đồng của ông Nguyễn Hữu L, tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 33.000.000 đồng.

Hành vi phạm tội nêu trên của bị cáo G đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có khung hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm (tội phạm ít nghiêm trọng).

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an và an toàn trong xã hội. Do vậy, cần phải xử lý thật nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo G là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bản thân nhận thức rõ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện với mục đích để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, chứng tỏ bị cáo là người rất coi thường pháp luật.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người dân tộc, thành phần lao động nghèo, khó khăn, trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 02 lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hiện tại trên địa bàn huyện Châu Phú các tội phạm về lừa đảo chiếm đoạt tài sản có chiều hướng gia tăng, đây là nguyên nhân làm mất ổn định tình hình an ninh chính trị tại địa phương. Do đó, việc buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù cách ly khỏi xã hội là cần thiết, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn một thời gian mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội. Mức hình phạt tù có thời hạn mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là tương xứng với tính chất mức độ phạm tội mà bị cáo đã gây ra, đề nghị này được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên, bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, hiện điều kiện hoàn cảnh kinh tế còn khó khăn nên Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[5] Đối với bà Phạm Thị Ái L không biết xe mô tô do bị cáo G gửi là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Phú không truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

[6] Về vật chứng:

Đối với chiếc xe mô tô biển số 54Y7-4445, số máy: OHY7C 011824, số khung: 2FMHA 017124:

Bị cáo G khai xe mô tô biển số 54Y7-4445 là của bị cáo G mua vào ngày 26/01/2024 của một người (không rõ họ tên, địa chỉ) tại Thành phố Hồ Chí Minh

với giá 3.600.000 đồng để làm phương tiện đi lại nhưng chưa làm thủ tục sang tên.

Theo kết quả tra cứu xe mô tô biển số 54Y7-4445 do ông Đỗ Văn C đứng tên chủ sở hữu theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 005351 do Công an huyện Hóc Môn cấp ngày 25/8/2007, không có tên trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng.

Tại biên bản ghi lời khai do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 21/5/2024, bà Nguyễn Trương Kim H khai xe mô tô biển số 54Y7-4445 do cha ruột của bà là ông Đỗ Văn C đứng tên chủ sở hữu. Ngày 11/7/2019, ông C bị bệnh chết và để lại xe mô tô cho bà H sử dụng làm phương tiện đi lại. Đến năm 2023, bà Hồng đã bán xe mô tô cho một người nam (không rõ họ tên, địa chỉ) với giá 1.500.000 đồng. Hiện, bà H không yêu cầu gì.

Từ cơ sở trên có căn cứ xác định xe mô tô biển số 54Y7-4445 là của bị cáo G, không liên quan việc phạm tội, bị cáo G yêu cầu được nhận lại xe là có căn cứ chấp nhận, do đó giao trả cho bị cáo G xe mô tô biển số 54Y7-4445.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho ông Huỳnh Trung H 01 xe mô tô và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 67D1-432.77, ông Nguyễn Hữu L 01 xe mô tô và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 67D1-094.97 nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7]. Trách nhiệm dân sự:

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu bị cáo G bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về các vấn đề khác: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Danh Tiến G phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Danh Tiến G 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Danh Tiến G.

Căn cứ khoản 1 Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Giao trả cho bị cáo Danh Tiến G 01 (Một) chiếc xe mô tô biển số 54Y7-4445, số máy: OHY7C 011824, số khung: 2FMHA 017124; 01 (Một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 54Y7-4445 số 005351 do Công an huyện Hóc Môn cấp ngày 25/8/2007,

tên chủ sở hữu: Đỗ Văn C. (Đặc điểm tang vật như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 09/7/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Phú và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Danh Tiến G phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đối với bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Công an tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú;
- Trại tạm giam Công an tỉnh An Giang;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Ngọc Dũng

